

Số: 408/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 04 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 1674/TTr-VP ngày 04 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 1.622 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, trong đó:

- Danh mục 949 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã) cụ thể như sau:

- + Cấp tỉnh có 838 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- + Cấp huyện có 79 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- + Cấp xã có 32 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Danh mục 673 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã) cụ thể như sau:

- + Cấp tỉnh có 480 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần.
- + Cấp huyện có 114 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần.
- + Cấp xã có 79 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần.

(Có phục lục danh mục dịch vụ công trực tuyến kèm theo trên Hệ thống egov)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Giao các Sở, ban ngành tỉnh chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành việc cung cấp thông tin và đồng bộ các dịch vụ công trực tuyến nêu tại Điều 1, Quyết định này lên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong Quý I/2024.

Giao Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc và theo dõi việc thực hiện Quyết định này. Đồng thời, tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh rà soát các thủ tục hành chính còn lại của tỉnh để trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố bổ sung dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh đảm bảo chỉ tiêu của Chính phủ giao cho địa phương trong năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận 

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTTHC-VPCP;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP;
- KSTT;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

(Hàng) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đức Trọng



Phụ lục 01

DANH MỤC THỰC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN, DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Tổng số lượng TTHC (cấp tỉnh, huyện, xã)				Số lượng TTHC cấp tỉnh			Số lượng TTHC cấp huyện				Số lượng TTHC cấp xã				
		TỔNG SỐ LƯỢNG TTHC	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN	DỊCH VỤ CÔNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN (Theo Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP, ngày 05/4/2023) (*)	SỐ LƯỢNG TTHC CẤP TỈNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN	DỊCH VỤ CÔNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN (Theo Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP, ngày 05/4/2023) (*)	SỐ LƯỢNG TTHC CẤP HUYỆN	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN	DỊCH VỤ CÔNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN (Theo Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP, ngày 05/4/2023) (*)	SỐ LƯỢNG TTHC CẤP XÃ	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN	DỊCH VỤ CÔNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN (Theo Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP, ngày 05/4/2023) (*)
		24	-	-	24	9	-	-	9	8	-	-	8	7	-	-	7
1	Thanh tra	51	39	12	-	51	39	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Sở Khoa học và Công nghệ	1	-	1	-	1	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Sở Ngoại vụ	127	76	51	-	115	71	44	-	12	5	7	-	-	-	-	-
4	Sở Công Thương	116	75	41	-	92	75	17	-	21	-	21	-	3	-	3	-
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	41	41	-	-	37	37	-	-	4	4	-	-	-	-	-	-
6	Sở Thông tin và Truyền thông	160	133	25	2	121	113	6	2	14	9	5	-	25	11	14	-
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	106	31	75	-	106	31	75	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Sở Giao thông Vận tải	135	6	129	-	89	6	83	-	29	-	29	-	17	-	17	-
9	Sở Nội vụ	70	48	22	-	57	43	14	-	13	5	8	-	-	-	-	-
10	Sở Xây dựng	15	15	-	-	10	10	-	-	5	5	-	-	-	-	-	-
11	Sở Tài chính	105	41	64	-	86	38	48	-	13	-	13	-	6	3	3	-
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	89	18	71	-	79	12	67	-	9	5	4	-	1	1	-	-
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	113	113	-	-	112	112	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-
14	Sở Y tế	121	101	20	-	82	72	10	-	34	29	5	-	5	-	5	-
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	130	68	62	-	118	59	59	-	5	5	-	-	7	4	3	-
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch	203	108	95	-	123	84	39	-	33	11	22	-	47	13	34	-
17	Sở Tư pháp	41	36	5	-	41	36	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Ban Quản lý Khu kinh tế	1,648	949	673	26	1,329	838	480	11	201	79	114	8	118	32	79	7
	TỔNG CỘNG																

Ghi chú: (*) Cung cấp thông tin biểu mẫu trên Công dịch vụ công Tây Ninh, người dân và doanh nghiệp có thể tải biểu mẫu và nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Tây Ninh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, thị xã, thành phố.